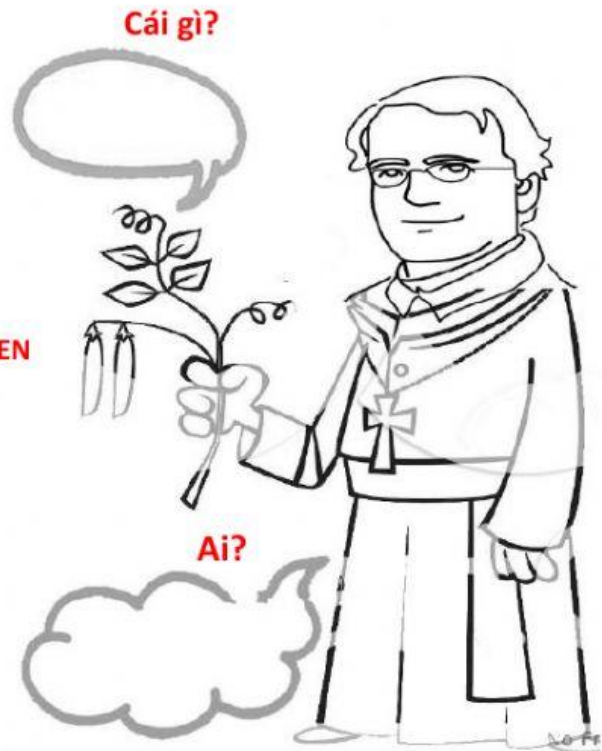




Men đen và di truyền học

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA MENĐEN



Nối nội dung ở hai cột

- | | | | |
|----|-----------------------|-----------------------|--------------------------|
| X | ☐ | ☐ | Cơ thể đực (giao tử đực) |
| P | ☐ | ☐ | Thế hệ con thứ nhất |
| G | ☐ | ☐ | Phép lai |
| ♀ | ☐ | ☐ | Thế hệ con |
| ♂ | ☐ | ☐ | Thế hệ bố mẹ |
| F | ☐ | ☐ | Thế hệ con thứ hai... |
| F1 | ☐ | ☐ | Cơ thể cái (giao tử cái) |
| F2 | ☐ | ☐ | Giao tử |

Di truyền	Hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.
Kiểu gen	Hoa vàng, mắt đỏ, tóc đen...
Kiểu gen đồng hợp	Hạt xanh >< Hạt vàng, Hoa đỏ >< Hoa trắng...
Kiểu hình	AA, aa, AABB, AAbb...
Tính trạng tương phản	AA, Aa, aa...
Biến dị	Aa, AaBb, Bb...
Kiểu gen dị hợp	Hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.

Lai một cặp tính trạng

P	F1	F2	Tỉ lệ kiểu hình ở F2	Đâu là tính trạng trội?
Hoa đỏ x Hoa trắng	Hoa đỏ	705 hoa đỏ: 224 hoa trắng		
Thân cao x Thân thấp	Thân cao	787 thân cao: 277 thân thấp		
Quả lục x Quả vàng	Quả lục	428 quả lục: 152 quả vàng		

Kiểu gen của các phép lai trên: QUI ƯỚC

A: HOA ĐỎ, a: HOA TRẮNG B: THÂN CAO, b: THÂN THẤP D: QUẢ LỤC, d: QUẢ VÀNG

P	F1	F2	Tỉ lệ kiểu hình ở F2	Đâu là tính trạng trội?

Điền các kí hiệu: $P_{t/c}$, G_p , F_1 , F_2 , G_{F1} , Aa, Kiểu gen, Kiểu hình, Hoa đỏ, Hoa trắng vào sơ đồ sau:

..... AA (.....) x aa (.....)

..... A a

..... Aa (.....)(Hoa đỏ)

..... A a A a

..... : 1AA: 2Aa:1aa

..... : 3.....: 1.....

Lai phân tích:

Cơ thể đem lai	Cơ thể lai	Tỉ lệ kiểu gen	Tỉ lệ kiểu hình
AA	aa		
Aa	aa		
AABB	aabb		
AaBb	aabb		
AaBB	aabb		
aaBb	aabb		
Biết A: Hạt vàng, a: Hạt xanh		B: vỏ trơn, b: vỏ nhăn	

Đâu là phép lai phân tích?:

- 1) AA x Aa 2) Aa x aa 3) Aa x Aa
- 4) AaBB x aabb 5) AaBb x aabb 6) aaBb x AAbb
- 7) aaBB x aabb 8) AaBbCC x aabbcc